

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày S/9/2023

V/v tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê H T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn X

2. Bà Bùi Thị V

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Nam A, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Trong ngày S tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 208/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2023, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370 A/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa :

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 2, tổ X, Khóm 5, Phường S, thành phố V, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 2, Tổ X, Khóm 5, Phường S, thành phố V, tỉnh T.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Anh Lê Minh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị Hồng G kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố V, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 15/S/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên về sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong sinh hoạt, hai bên không có tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 12/12/2005 và Lê Thị Tuyết B, sinh ngày 05/6/2013. Hiện nay 02 con chung

đang sống chung với cha mẹ. Anh T đồng ý giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Nguyễn Thị Hồng G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng G và anh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố V, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 15/S/2004. Về mâu thuẫn vợ chồng chị G thống nhất như lời trình bày của anh T. Anh T không nghề nghiệp, thời gian sau này anh T không làm ăn lo cho gia đình. Nay chị G không đồng ý ly hôn với anh Lê Minh T, nhưng chị G không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 12/12/2005 và Lê Thị Tuyết B, sinh ngày 05/6/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với cha mẹ. Chị Nguyễn Thị Hồng G đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Anh Lê Minh T có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh T.

[2] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị G kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường S, thành phố V, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, ngày 15/S/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng chị G thống nhất như lời trình bày của anh T, tuy nhiên, vì còn thương anh T nên chị G không đồng ý ly hôn với anh T nhưng chị G không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn tình cảm, anh T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn, tại bản án Hôn nhân – gia đình số 46/2017/HNGĐ-ST, ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị G. Từ năm 2017 đến nay, tiếp tục phát sinh mâu thuẫn,

nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân – gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 12/12/2005 và Lê Thị Tuyết B, sinh ngày 05/6/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với cha mẹ.

Anh T và chị G thống nhất, chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, đồng thời hai con chung có nguyện vọng sống với chị G, do đó công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị G, chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T và chị G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T và chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Minh T phải chịu án phí theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Hồng G không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh T, anh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng G.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Minh K, sinh ngày 12/12/2005 và Lê Thị Tuyết B, sinh ngày 05/6/2013. Hiện nay 02 con chung đang sống chung với cha mẹ.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh T và chị G, chị G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Anh T và chị G thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Anh T và chị G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Minh T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 0012745, ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh T.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.